

## XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẦM NON TRÊN THẾ GIỚI

TRẦN NGUYỄN NGUYỄN HÂN\*

### TÓM TẮT

*Giáo dục mầm non (GDMN) đang tiến dần đến xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa, vì thế, lĩnh vực phát triển ngôn ngữ (PTNN) cho trẻ mầm non (MN) cũng không nằm ngoài xu thế này. Việc tiếp cận các quan điểm, mô hình, cách tiếp cận hiện đại của thế giới về PTNN cho trẻ MN và vận dụng một cách linh hoạt trong thực tế là điều cần thiết.*

**Từ khóa:** xu thế của thế giới, phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

### ABSTRACT

#### *The global trend of language development for preschoolers*

*Preschool education is gradually globalized and internationalized, thus, language development for preschoolers is no exception. It is necessary to apprehend modern international viewpoints, models and approaches in language education for preschoolers and apply them flexibly in reality.*

**Keywords:** global trend, language education for preschoolers.

### 1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ nảy sinh bởi nhu cầu giao tiếp của con người. Ngay từ nhỏ, ngôn ngữ là phương tiện giúp trẻ tìm hiểu, nhận thức sự vật xung quanh, đồng thời giúp trẻ giao tiếp, chia sẻ kinh nghiệm, sự hiểu biết của mình với người khác. Thông qua quá trình giao tiếp, con người lĩnh hội ngôn ngữ một cách tự nhiên, tuy nhiên, năng lực ngôn ngữ sẽ ngày càng phát triển và hoàn thiện khi nhận được sự giáo dục phù hợp. Ngày nay, nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập, GDMN nói chung và PTNN cho trẻ MN nói riêng đang tiến đến xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa. Việc tiếp cận các quan điểm, mô hình, cách tiếp cận, chương trình hiện đại của thế giới về PTNN cho trẻ MN và vận dụng một cách linh hoạt trong thực tế sẽ

giúp cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình PTNN cho trẻ MN hiện nay.

### 2. Nội dung

#### **2.1. Xu hướng PTNN cho trẻ mầm non trên thế giới**

##### *2.1.1. Xu hướng PTNN nói của trẻ MN trên thế giới*

Trong 4 kỹ năng ngôn ngữ, nghe là kỹ năng được hình thành sớm nhất và đóng vai trò rất quan trọng đối với sự PTNN của trẻ. Con người có thể chú ý nghe được 50% âm thanh tác động đến tai, nhưng chỉ hiểu được 25% âm thanh nghe được [1]. Vì thế, nhiều nghiên cứu nhận định rằng năng lực nghe tuy được hình thành tự do trong cuộc sống nhưng cần phải kết hợp với phương pháp hướng dẫn phù hợp [4], [2]. Năng lực nghe không được hướng dẫn một cách riêng lẻ

\* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: han929@gmail.com

mà phải kết hợp với năng lực nói, đọc, viết. Kỹ năng nghe của trẻ thông qua các cơ hội học tập phong phú mà hình thành. Vì thế, để phát triển và hoàn thiện tai nghe cho trẻ, giáo viên (GV) cần phối hợp linh hoạt các phương pháp phát triển kỹ năng nghe phù hợp với từng độ tuổi và điều kiện thực tế như: Tạo hứng thú và động cơ nghe; GV làm gương (modeling) bằng cách thể hiện thái độ nghe, thói quen nghe đúng đắn, tạo cơ hội cho trẻ nghe bằng nhiều hình thức phong phú như: dạo chơi, tham quan, vui chơi, trò chuyện...; tổ chức môi trường nghe phong phú bằng cách cho trẻ sử dụng các dụng cụ âm nhạc, máy thu âm, máy cassette, băng đĩa, sách, rỗi...; chơi trò chơi, hát hay kể chuyện.

Trẻ không chỉ lĩnh hội và thể hiện một cách thụ động tác động của môi trường ngôn ngữ mà còn có thể tự PTNN của mình, tự xây dựng và tìm hiểu các quy luật ngữ pháp. Người lớn nên tận dụng cơ hội này để cung cấp kinh nghiệm ngôn ngữ cho trẻ. Sự tương tác với người lớn có ảnh hưởng quan trọng đến sự PTNN của trẻ trong thời kì đầu. Bruner (1978) tin rằng ngôn ngữ được phát triển thông qua cơ chế tương tác xã hội nên đã đề xuất hệ thống hỗ trợ sự lĩnh hội ngôn ngữ (LASS: Language Acquisition Support System). Khi trẻ mới bắt đầu nói, trẻ học nói thông qua tương tác với mẹ. Quá trình học tiếng mẹ đẻ của trẻ diễn ra ở nơi trẻ đang sống, vì thế trẻ cần có cả cơ chế lĩnh hội ngôn ngữ bẩm sinh (LAD) và sự hướng dẫn của người lớn. [2]

Theo các nhà nghiên cứu lí thuyết tương tác xã hội, tình huống học tập ngôn ngữ của trẻ được tiến hành như sau:

① Quá trình học tập ngôn ngữ của trẻ được diễn ra thông qua kinh nghiệm ngôn ngữ được hình thành trong xã hội địa phương nơi trẻ sống chứ không phải là việc học các kỹ năng nói theo trình tự được quy định sẵn.

② Trẻ tự phát hiện, kiểm chứng và hình thành kiến thức, điều này giúp cho ngôn ngữ của trẻ được phát triển.

③ Trẻ sử dụng ngôn ngữ nhằm mục đích giao tiếp có ý nghĩa.

④ Người lớn sử dụng hướng dẫn, giúp đỡ, hỗ trợ (scaffolding) và làm mẫu cho trẻ nhằm hỗ trợ việc học ngôn ngữ của trẻ.

Để PTNN cho trẻ, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như: làm mẫu, giảng giải, giải thích về khái niệm, trò chuyện, thảo luận để lập kế hoạch, tìm hiểu hoạt động liên quan đến chủ đề, trình bày kinh nghiệm, giới thiệu tin tức hay sự việc mới, sự việc xảy ra trong ngày, giới thiệu sản phẩm, học tập hợp tác thông qua trò chơi sắm vai, đóng kịch, đọc thơ, sáng tác thơ...

### 2.1.2. Xu hướng PTNN viết của trẻ MN trên thế giới

Trong suốt những năm 1980 - 1990, quan điểm đọc, viết tự phát được coi là quan điểm tiêu biểu để giải thích sự phát triển kỹ năng đọc, viết của trẻ MN. Dựa trên quan điểm đọc, viết tự phát, việc dạy trẻ làm quen chữ viết theo cách tiếp cận ngôn ngữ toàn thể ra đời và được sử dụng phổ biến nhất. Tuy nhiên, sau khi cuốn *Beginning to read: Thinking and learning about print* được xuất bản, nhiều nghiên

cứu khác ra đời vào năm 1990 cho rằng chương trình giáo dục ngôn ngữ trọng tâm hướng dẫn ngôn ngữ toàn thể (Whole language instruction) chỉ chú trọng đến ý nghĩa của nội dung văn bản mà bỏ qua các kỹ năng đọc cần thiết cho trẻ. Điều này dẫn đến việc hướng dẫn trẻ lĩnh hội ngôn ngữ viết bị thiếu sót. Sự lĩnh hội kỹ năng đọc bao gồm kiến thức về nguyên âm, phụ âm và nhận thức về ngữ âm của trẻ là cơ sở để trẻ học chữ tốt ở trường phổ thông sau này. Trên quan điểm đó, các nhà nghiên cứu đang nỗ lực để tìm ra phương pháp hướng dẫn mới cho việc học chữ của trẻ MN. [9]

Từ cuối năm 1990 đến năm 2000, giáo dục đọc, viết thời kỳ đầu ở Hoa Kỳ liên tục thay đổi. Cuối năm 1990, Hoa Kỳ đã khám phá ra hệ thống tiêu chuẩn (Standards) K-12 được dùng để quy định những kỹ năng và kiến thức mà trẻ MN đến học sinh phổ thông trung học cần phải lĩnh hội. Năm 1998, Hiệp hội Giáo dục Trẻ MN Hoa Kỳ (NAEYC) và Hiệp hội Đọc Quốc tế (IRA) đã cùng trình bày báo cáo: “Học đọc, viết thực tế phù hợp với sự phát triển”, trong đó, cách tiếp cận trọng tâm phát triển kỹ năng đọc được gọi là nghiên cứu đọc dựa trên nền tảng khoa học (Scientifically Based Reading Research: SBRR). Năm 2001, dạy trẻ làm quen với việc đọc được cải tiến dựa trên tiêu chuẩn được thông qua bởi pháp lệnh No Child Left Behind (NCLB). Từ năm 2002, việc ứng dụng phương pháp hướng dẫn kỹ năng tiền đọc được phổ biến rộng rãi. Đặc biệt, cuộc vận động nghiên cứu kỹ năng tiền đọc dựa trên nền tảng khoa học (SBRR) đã làm rõ kiến thức và kỹ năng cần thiết phải trang bị cho trẻ để trẻ

có thể đọc, viết tốt [5]. Trên cơ sở đó, làm quen chữ viết theo cách tiếp cận cân bằng ra đời, minh chứng cho sự kết hợp giữa quan điểm đọc, viết tự phát với việc hướng dẫn các kỹ năng, kiến thức cần thiết cho việc học đọc (SBRR). Đóng góp lớn nhất của SBRR là trình bày được những kiến thức và kỹ năng cốt lõi mà trẻ phải được trang bị để trở thành người có khả năng đọc, viết tốt [5]. Quan điểm này cho rằng sự PTNN nói, kiến thức về nguyên âm phụ âm, nhận thức ngữ âm, kiến thức về trình tự đọc, khái niệm về sách, vốn từ thị giác... ảnh hưởng đến năng lực học chữ của trẻ ở trường phổ thông.

Theo NELP (National Early Literacy Panel) (2009), kỹ năng đọc và viết thực sự bao gồm kỹ năng giải mã (decoding), đọc trôi chảy (oral reading fluency), hiểu nội dung đọc (reading comprehension), viết (writing), chính tả (spelling). Việc cho trẻ tiếp xúc với đọc, viết ngay từ lúc mới sinh cho đến 5 tuổi sẽ giúp cho những kỹ năng này được phát triển. Những kỹ năng đọc và viết thực sự được chuẩn bị đồng thời với những kỹ năng tiền đọc viết (emergent skills). Có 6 yếu tố tiêu biểu cho các kỹ năng tiền đọc, viết là: ① Kiến thức về tên chữ cái và cách phát âm chúng. ② Nhận thức âm vần (năng lực nắm bắt, hình thành, phân tích âm thanh và hiểu ý nghĩa của từ). ③ Nói tên âm vị hay số một cách tự động. ④ Nói tên của sự vật hay màu sắc một cách tự động. ⑤ Viết chữ cái hoặc viết tên của mình. ⑥ Năng lực ghi nhớ âm vần (năng lực ghi nhớ thông tin được trình bày bằng lời nói trong thời gian ngắn).

Đối với việc học chữ của trẻ MN, quan điểm đọc, viết tự phát và SBRR đều có ưu điểm riêng. Chương trình đọc, viết tự phát cung cấp cơ hội cho trẻ học chữ nhờ sự giúp đỡ của GV và bạn bè. Hoạt động học tập được tiến hành phù hợp với trình độ phát triển của cá nhân trẻ và dựa trên kiến thức mà trẻ đã biết. Điểm hạn chế của chương trình đọc, viết tự phát là tất cả trẻ đều không được trang bị trước để có thể nhận cơ hội học tập như thế. Vì vậy, để trẻ có thể tham gia chương trình đọc, viết tự phát, GV phải hướng dẫn trực tiếp khái niệm về chữ viết, kiến thức về

chữ cái, nhận thức âm vận và từ vựng cho trẻ [6].

Phương pháp hướng dẫn phối hợp quan điểm đọc, viết tự phát và các yếu tố cốt lõi của quan điểm SBRR đang nhận được sự ủng hộ rộng rãi. GV tổ chức môi trường chữ viết phong phú, tổ chức hoạt động đọc, viết có ý nghĩa ở các góc chơi, tiến hành hoạt động dự án (project), cho trẻ tiếp xúc với sách; đồng thời, tiến hành hướng dẫn và cho trẻ luyện tập trực tiếp kỹ năng đọc, viết và ngôn ngữ nói. Đây cũng chính là cách tiếp cận mới trong việc hướng dẫn trẻ học chữ, được gọi là cách tiếp cận ngôn ngữ cân bằng.

**Bảng 2. Phương pháp hướng dẫn phối hợp**

<b>Quan điểm đọc, viết tự phát</b>	<b>SBRR</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường chữ viết phong phú</li> <li>- Hoạt động đọc sách truyện</li> <li>- Cùng đọc/viết</li> <li>- Hoạt động theo chủ đề, project</li> <li>- Trẻ được tham gia vào hoạt động đọc, viết có ý nghĩa ở góc chơi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn theo nhóm lớn, nhóm nhỏ những kỹ năng sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngôn ngữ nói</li> <li>+ Nhận thức âm vận</li> <li>+ Kiến thức về chữ cái</li> <li>+ Khái niệm về chữ viết</li> </ul> </li> <li>- GV cung cấp cơ hội cho trẻ luyện tập những kỹ năng trên trong hoạt động vui chơi tự do</li> </ul>
Những hoạt động thúc đẩy động cơ học đọc, viết phù hợp với sự phát triển của trẻ	Hướng dẫn, hỗ trợ tất cả trẻ học tập kỹ năng đọc, viết cần thiết

*Nguồn: [6].*

## **2.2. Xu hướng mới về cách tiếp cận PTNN của trẻ MN trên thế giới**

Năm 1960, cách tiếp cận ngôn ngữ toàn thể (whole language approach) ra đời và phổ biến rộng rãi vào những năm 80 thay thế cho cách tiếp cận trọng tâm phát âm (phonetic language approach) trước đó.

Các nhà giáo dục gọi cách tiếp cận này là cách tiếp cận ngôn ngữ toàn thể vì ba lý do sau đây: 1) Đơn vị cơ bản của ngôn ngữ là “ý nghĩa”; 2) Không dạy tách rời bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết mà dạy tổng thể cả bốn kỹ năng; và 3) Để trẻ phát triển toàn diện, lĩnh vực PTNN phải được dạy tích hợp với tất cả các lĩnh vực khác, bao gồm: lĩnh vực phát triển

thể lực, lĩnh vực phát triển nhận thức, lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội, lĩnh vực phát triển thẩm mỹ. Mục đích của cách tiếp cận ngôn ngữ toàn thể là khơi gợi động cơ đọc, viết của trẻ nhằm giúp trẻ nắm vững và truyền tải ý nghĩa của nội dung được đọc, không chú ý đến lỗi của trẻ, coi trọng năng lực sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.

Cơ sở lý luận của cách tiếp cận ngôn ngữ toàn thể chịu ảnh hưởng bởi triết lý chủ nghĩa cấp tiến của Dewey - nhân mạnh kinh nghiệm, hứng thú của trẻ trong quá trình học tập, quan điểm học tập tích cực thông qua kinh nghiệm cảm giác của Froebel, Pestalozzi và cách tiếp cận học tập mang tính tự nhiên của Rousseau, Pestalozzi, Froebel. Cách tiếp cận này chịu ảnh hưởng bởi lý luận của Piaget và Vygotsky, cho rằng năng lực cần thiết cho việc đọc nằm bên trong người học, năng lực bên trong này thông qua quá trình người học tương tác với thế giới bên ngoài sẽ được hình thành, từ đó cho ra đời khái niệm đọc, viết tự phát (emergent literacy). Trên cơ sở đó, GV không nhồi nhét nội dung được lập trình sẵn cho trẻ mà cung cấp môi trường và tạo cơ hội tương tác với trẻ để trẻ được thể hiện năng lực đọc, viết của mình. Đó cũng chính là nội dung dạy trẻ học đọc, viết. [8]

Cách tiếp cận ngôn ngữ toàn thể còn chịu ảnh hưởng bởi Halliday. Ông cho rằng chức năng và hiệu quả sử dụng của ngôn ngữ, tình huống sử dụng ngôn ngữ quan trọng hơn cấu trúc của ngôn ngữ. Việc người lớn cho trẻ học sử dụng ngôn ngữ một cách tự do trong sinh hoạt hàng ngày đem lại hiệu quả lớn đối với

quá trình lĩnh hội ngôn ngữ của trẻ. Quan điểm mới của Rosenblatt về học đọc cũng ảnh hưởng đến cách tiếp cận ngôn ngữ toàn thể. Trước đây, học đọc được hiểu là quá trình truyền đạt văn bản một chiều đến người đọc, nhưng theo quan điểm của Rosenblatt, đọc là quá trình tương tác giữa người đọc với văn bản (transactional process). Dù cùng một văn bản nhưng khả năng tiếp nhận ý nghĩa văn bản của người đọc rất khác nhau tùy vào kiến thức, sự quan tâm, năng lực tư duy của mỗi người. Quan điểm này đặc biệt nhấn mạnh vai trò tích cực của người đọc. Người khai sinh cách tiếp cận ngôn ngữ toàn thể chính là Goodman. Ông đã tiến hành lựa chọn, điều chỉnh các nguyên lý học tập ngôn ngữ phong phú của các nhà nghiên cứu để cho ra đời cách tiếp cận ngôn ngữ toàn thể. [7]

Nguyên tắc hướng dẫn của cách tiếp cận này được bắt đầu từ toàn thể đến bộ phận: Câu chuyện → câu → từ → chữ cái → âm vị. Trẻ được tiếp cận và tương tác với tài liệu đọc, viết có ý nghĩa (lời bài hát, tờ quảng cáo, bản đồ, biểu đồ, sách báo, tạp chí, bảng hiệu, thực đơn, tác phẩm văn học, sản phẩm của trẻ...), qua đó, trẻ tự hình thành kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cho mình. [5]

Mặc dù không thể phủ nhận hiệu quả của cách tiếp cận toàn thể đối với sự PTNN của trẻ MN nhưng nhiều nghiên cứu đã khẳng định rằng năng lực đọc của những trẻ được hướng dẫn theo cách tiếp cận toàn thể bị tụt hậu hơn so với những trẻ khác khi học chữ ở trường phổ thông [4]. Các kỹ năng cơ bản của việc đọc tuy không thể giúp trẻ trở nên đọc tốt hoàn toàn nhưng nếu không có kỹ năng cơ bản,

trẻ sẽ không thể đọc một cách trôi chảy. Các nhà nghiên cứu lúc này mới quay lại nghiên cứu cách tiếp cận trọng tâm phát âm đã từng được sử dụng trước khi cách tiếp cận ngôn ngữ toàn thể ra đời. Ưu điểm của cách tiếp cận trọng tâm phát âm là các kỹ năng cần thiết chuẩn bị cho việc học chữ như nhận biết sự khác nhau và giống nhau về hình dáng, kích thước của chữ viết, khả năng định hướng trong không gian, khả năng phối hợp tay và mắt... được hình thành thông qua sự

hướng dẫn có hệ thống của GV và được rèn luyện thường xuyên. Bên cạnh đó, GV sử dụng bài tập - trò chơi có hệ thống nhằm giúp trẻ nhận diện từ và chữ, đọc to từ và chữ, nhận biết mặt chữ, tên chữ, biết phát âm chữ cái, hiểu quy tắc ghép vần để đọc...

Trên cơ sở đó, các nhà nghiên cứu đã phối hợp cách tiếp cận PTNN với cách tiếp cận trọng tâm phát âm để cho ra đời cách tiếp cận mới là cách tiếp cận cân bằng.

**Bảng 3. So sánh các cách tiếp cận PTNN**

<b>Cách tiếp cận trọng tâm phát âm (phonetic language approach)</b>	<b>Cách tiếp cận cân bằng (balanced language approach)</b>	<b>Cách tiếp cận giáo dục ngôn ngữ toàn thể (whole language approach)</b>
Dạy trẻ làm quen chữ viết bắt đầu từ việc hướng dẫn trực tiếp kỹ năng đọc (nhận thức về nguyên âm, phụ âm, mối quan hệ tương ứng giữa âm thanh lời nói và chữ viết)	Dạy trẻ làm quen chữ viết bằng cách tạo cơ hội cho trẻ khám phá chữ viết trong tình huống có ý nghĩa đối với trẻ, đồng thời hướng dẫn trực tiếp kỹ năng đọc cần thiết cho trẻ	Dạy trẻ làm quen chữ viết bắt đầu bằng việc cho trẻ khám phá chữ viết trong tình huống có ý nghĩa đối với trẻ

Hiện nay, cách tiếp cận ngôn ngữ cân bằng đang rất phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới. Cách tiếp cận cân bằng định hướng giáo dục theo cá nhân hóa nên vai trò của GV rất quan trọng. GV phải nắm rõ trình độ PTNN, tư duy, hoàn cảnh gia đình để tìm ra phương pháp phối hợp phù hợp cho cá nhân trẻ. [7]

Cách tiếp cận cân bằng lấy cách tiếp cận toàn thể làm nền tảng để dạy những kỹ năng cần thiết cho việc học đọc như khả năng nhận thức âm vần, biết chữ cái dùng để ghi âm âm vị, biết mối quan hệ tương ứng 1 đối 1 giữa âm thanh lời

nói và chữ viết. Vì thế, GV có thể sử dụng hầu hết các phương pháp hướng dẫn được sử dụng ở cách tiếp cận toàn thể, như: đọc to, đọc cùng nhau, đọc một mình, GV viết cho trẻ, viết cùng với trẻ, trẻ viết một mình... Không những thế, GV đọc cho trẻ nghe nhiều ấn phẩm có khả năng dự đoán, bài thơ, đồng dao có vần điệu để trẻ chú ý đến vần điệu, hướng dẫn mối quan hệ tương ứng giữa âm thanh lời nói và chữ viết cho trẻ hiểu. Sau đây là ví dụ về hoạt động được thực hiện theo cách tiếp cận cân bằng:

**Bảng 4.** Ví dụ về hoạt động được thực hiện theo cách tiếp cận cân bằng

Sách tranh	Hoạt động giúp trẻ hiểu ý nghĩa	Hoạt động hướng dẫn kĩ năng đọc
Nào, chúng ta đi xuống tàu thôi!	<Nói từ, suy luận, giải thích> - Nhớ tên nhân vật đi trên tàu lửa - Tìm hiểu lí do các nhân vật đi đi tàu lửa	<Nhận thức âm vần, hiểu mối quan hệ giữa chữ và âm tiết> - Tìm từ bắt đầu bằng chữ cái có trong tên của các nhân vật trong truyện
Cùng đi săn gấu	<Nói từ, giải quyết vấn đề> - Tìm hiểu địa điểm bắt gấu mà các nhân vật đi ngang qua - Tìm hiểu âm thanh phát ra từ địa điểm đó - Tìm hiểu nhân vật làm cách nào để đi qua địa điểm đó	<Nhận thức âm vần, hiểu mối quan hệ giữa âm vị và chữ cái> - Nghe và nhận biết điểm giống nhau và khác nhau giữa các từ có cách phát âm giống nhau - Ghép thẻ chữ cái rời thành từ và đọc từ
Sách truyện trẻ làm về chữ cái O, I	<Kể chuyện> - Kể chuyện sáng tạo theo tranh	<Nhận thức âm vần> - Tìm từ kết thúc bằng âm O và I
Kuri và Kura làm bánh	<Nói phương án giải quyết phong phú, đánh giá> - Phương pháp mang quả trứng về nhà của Kuri và Kura và lí do thất bại - Làm cách nào để mang cháo, nếp và làm vỡ trứng <Nói đúng ngữ pháp> - Sáng tác thơ “Tên chúng ta là Kuri và Kura”	<Nhận thức âm, mối quan hệ giữa chữ cái và âm vị, tên của chữ cái> - Tìm điểm khác nhau trong tên của Ku Ri và Ku Ra - Viết phụ âm khác thay cho “k” (ví dụ: Mori và Mora) - Tìm từ có âm “i, a”
Tico và đôi cánh bằng vàng	<Trò chuyện> - Trò chuyện về việc làm giúp đỡ người khác của Tico <Kể chuyện> - Trẻ kể về việc làm giúp đỡ người khác của mình	<Nhận thức âm vần, hiểu mối quan hệ giữa âm vị và chữ cái> - Sử dụng phụ âm có trong tên “Tico” để đặt tên mới - Sử dụng nguyên âm có trong tên “Tico” để đặt tên mới
Seupingki hờn dỗi	<Nói từ, giải quyết vấn đề, trò chuyện> - Quan sát nét mặt của Seupingki, nói tâm trạng của Seupingki và viết từ chỉ tâm trạng - Viết các phương án và người có thể an ủi Seupingki	<Nhận mặt chữ, nhận thức âm vần, hiểu mối quan hệ giữa chữ cái và âm vị, tên chữ cái> - Nhận mặt chữ “hờn dỗi” - Tìm âm mà 3 đều từ có - Tìm chữ có âm u

Nguồn: [8]

## 2.2. Ảnh hưởng của xu hướng PTNN cho trẻ MN trên thế giới ở Việt Nam

Kiến thức, kinh nghiệm ngôn ngữ của trẻ được hình thành nhờ môi trường xung quanh. Tuy nhiên, hiện nay, ở Việt Nam, môi trường PTNN còn nghèo nàn, chưa tạo được động cơ, hứng thú nghe, nói, đọc, viết cho trẻ. Tài liệu, phương tiện, vật liệu PTNN chỉ tập trung ở góc thư viện, các góc khác hầu như không có. Rất ít trường MN trang bị đầy đủ phương tiện nghe nhìn như máy thu âm, máy cassette, máy vi tính...

PTNN nói cho trẻ MN được ưu tiên hơn PTNN viết. Ở độ tuổi nhà trẻ, các kỹ năng nghe, nói của trẻ được hướng dẫn trực tiếp thông qua hoạt động nhận biết tập nói, đọc thơ, kể chuyện, tuy nhiên, các hoạt động này chưa có sự đổi mới, trẻ học chủ yếu bằng cách bắt chước, luyện tập trong giờ học, GV nói nhiều hơn trẻ và chưa tạo tình huống để trẻ nghe, hiểu, sử dụng từ trong các hoạt động hàng ngày. Ở độ tuổi mẫu giáo, hoạt động giúp trẻ PTNN sáng tạo như: sáng tác thơ, kể chuyện sáng tạo, kể miêu tả, đóng kịch, sắm vai... hiếm khi được tổ chức. Tình huống cho trẻ đọc, viết rất ít xuất hiện trong các hoạt động vui chơi của trẻ do GV không tham gia chơi cùng trẻ, trẻ không được GV cung cấp kinh nghiệm đọc, viết và thiếu phương tiện, vật liệu để viết.

Về phương pháp hướng dẫn, GV chủ yếu sử dụng các phương pháp hướng dẫn đồng nhất, không chú ý đến sự khác biệt cá nhân của trẻ. Khi đàm thoại với trẻ MG, GV sử dụng câu hỏi đóng nhiều hơn câu hỏi mở. Ngoài ra, khi trẻ nói hay trả lời câu hỏi, đa số GV không ghi lại lời

nói của trẻ để cho trẻ đọc cùng GV. GV chưa tạo cơ hội cho trẻ tự phát hiện, lập luận, phản biện khi tìm hiểu, quan sát. Khi trò chuyện với trẻ, GV thường có khuynh hướng chỉ tiếp nhận các ý kiến giống với ý kiến của mình.

Các cơ sở đào tạo GVMN và trường MN hầu hết đều vận dụng cách tiếp cận ngôn ngữ toàn thể vào thực tế dạy trẻ làm quen chữ viết. Cách tiếp cận ngôn ngữ cân bằng chưa được nhắc đến. Các kỹ năng cần thiết cho việc học chữ như: kiến thức về tên chữ cái và cách phát âm chúng, nhận thức âm vần (năng lực nắm bắt, hình thành, phân tích âm thanh và hiểu ý nghĩa của từ), nói tên âm vị hay số một cách tự động, viết chữ cái hoặc viết tên của mình, năng lực ghi nhớ âm vần... chưa được hướng dẫn một cách tự do thông qua sinh hoạt hàng ngày. GV chủ yếu hướng dẫn trực tiếp các kỹ năng này thông qua giờ học làm quen chữ viết ở độ tuổi 5-6 tuổi. Việc đổi mới hoạt động dạy trẻ làm quen chữ cái, chữ viết chưa được hiệu quả, mỗi địa phương, quận, huyện thực hiện khác nhau. Ở độ tuổi nhà trẻ, nội dung đọc, viết không được trình bày cụ thể, chỉ có nội dung làm quen với sách được thực hiện cho độ tuổi từ 12-36 tháng, không có nội dung dành cho độ tuổi từ 3-12 tháng. Rất nhiều GV khi được hỏi đều trả lời rằng đến 5-6 tuổi mới cho trẻ làm quen chữ viết.

## 2.3. Nội dung các chương trình PTNN tiêu biểu trên thế giới

2.3.1. Chương trình PTNN (Language and literacy program) của Hoa Kỳ (bang Virginia) [9]

a) Thể hiện lời nói



- Chú ý nghe người lớn đọc sách, chú ý nghe lời nói và cuộc trò chuyện.

- Biết chính xác hành động, lời nói của nhân vật, kể lại nội dung mà trẻ đã biết.

- Dự đoán việc xảy ra trong câu chuyện.

- Sử dụng hơn hai từ để hỏi và trả lời.

- Sử dụng từ phù hợp cho mục đích phong phú.

- Biết duy trì cuộc đối thoại, biết chờ đợi đến lượt mình nói, thể hiện văn hóa giao tiếp.

b) Năng lực từ vựng

- Sử dụng hơn hai từ để gọi tên sự vật.

- Nghe, hiểu nội dung trò chuyện hay yêu cầu.

- Phản ứng lại yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

- Chờ đợi đến lượt mình khi trò chuyện với bạn và người lớn.

- Sử dụng từ mới thể hiện cảm xúc, suy nghĩ.

c) Nhận thức âm vần

- Nhận biết âm đầu của từ.

- Nghe từ, nói tiếp từ.

- Nhận biết thanh trong từ: làm nhịp điệu đơn giản.

- Nghe từ có hơn 3 âm liên tục, nói từ hoàn chỉnh.

d) Kiến thức về chữ viết và nhận diện từ

- Nhận biết chính xác nguyên âm và phụ âm.

- Biết chữ cái kí hiệu âm vị.

- Phát âm chữ cái.

- Đọc từ đơn giản, quen thuộc có trong tên của mình.

- Biết chữ quen thuộc trong môi trường xung quanh, quan tâm đến cách viết tên và chữ.

e) Nhận biết sách và ấn phẩm

- Nhận biết bìa trước của sách.

- Nhận biết vị trí tên sách.

- Biết đọc lần lượt từng trang.

- Đọc từ trái sang phải.

f) Viết

- Sử dụng vật liệu phong phú để sao chép chữ.

- Viết lặp lại nhiều lần chữ cái đầu.

- Sử dụng bút chì để viết 5-8 chữ cái.

- Sao chép từ gồm 3-5 chữ cái đơn giản.

- Viết chữ sáng tạo để trao đổi, chia sẻ suy nghĩ với người khác.

2.3.2. Chương trình PTNN (Communication, language and literacy program) của Anh Quốc [9]

- Tương tác với người khác, hợp tác trong quá trình lập kế hoạch và hoạt động, biết chờ đợi đến lượt mình và tham gia tích cực vào cuộc trò chuyện.

- Hứng thú với hoạt động nghe, nói, viết.

- Chú ý nghe, sử dụng lời nói liên quan với nội dung được nghe, phản ứng bằng câu hỏi và hành động.

- Hứng thú nghe, phản ứng khi nghe câu chuyện, bài hát, giai điệu, thơ và tự mình sáng tác thơ, câu chuyện, bài hát, giai điệu.

- Mở rộng từ, tìm hiểu âm thanh và ý nghĩa của từ mới.

- Nói tự tin và quan tâm đến người nghe.

- Sử dụng ngôn ngữ để kể lại chuyện, kể sáng tạo.

- Nói mạch lạc, có trình tự, logic suy nghĩ, cảm xúc, sự việc.
- Nghe âm thanh lời nói và nói theo trình tự.
- Biết mối liên hệ giữa âm thanh và chữ viết, phát âm chữ cái.
- Phát âm chính xác.
- Tìm hiểu âm thanh, từ, chữ.
- Kể lại phù hợp với hình thức ngôn ngữ của câu chuyện và trình tự câu chuyện.
- Đọc một mình từ và câu phong phú quen thuộc trong sinh hoạt hàng ngày.
- Nhận biết ý nghĩa của từ, biết trình tự đọc từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.
- Hiểu chi tiết, cấu trúc, nhân vật, thời gian, không gian của câu chuyện.
- Viết theo nhiều mục đích khác nhau.
- Viết tên của mình, viết câu đơn giản có sử dụng dấu chấm cuối câu.
- Sử dụng bút đúng cách để viết chữ quen thuộc.

### 2.3.3. Chương trình PTNN (Communication program) của Hàn Quốc [7]

- a) Nghe
  - Nghe và hiểu từ, câu;
  - Nghe và hiểu câu chuyện;
  - Nghe và hiểu đồng dao, ca dao, truyện kể, thơ...
  - Thái độ nghe nghiêm túc.
- b) Nói
  - Nói từ, câu;
  - Nói suy nghĩ, tình cảm, kinh nghiệm;
  - Nói bằng thái độ nghiêm túc, phù hợp với tình huống.
- c) Đọc

- Hứng thú đọc;
- Quan tâm đến việc đọc sách.

#### d) Viết

- Quan tâm đến việc viết;
- Sử dụng dụng cụ viết.

Nhìn chung, các chương trình PTNN trên thế giới đều chia làm 4 nội dung nghe, nói, đọc, viết cụ thể cho từng độ tuổi. Tuy có điểm khác nhau nhưng các chương trình đều thể hiện được tính kế thừa và phát triển, tính hệ thống, tính tích hợp, chú trọng phát triển các kỹ năng ngôn ngữ để tăng cường năng lực giao tiếp trong sinh hoạt của trẻ.

### 3. Kết luận

Hiện nay, các quan điểm, cách tiếp cận, mô hình về PTNN cho trẻ MN trên thế giới ngày càng đổi mới và hiện đại. Xu hướng này ảnh hưởng đến PTNN cho trẻ MN ở Việt Nam, tạo nên sự đổi mới về chương trình, phương pháp, hình thức PTNN cho trẻ MN. Tuy nhiên, việc nghiên cứu, vận dụng các quan điểm, cách tiếp cận, mô hình PTNN cho trẻ MN ở Việt Nam chưa được bài bản, hệ thống, linh hoạt, phù hợp với điều kiện sống, bối cảnh văn hóa xã hội, năng lực của GV. Hoạt động PTNN cho trẻ hiện nay cần gắn liền với hoạt động sinh hoạt hàng ngày hơn nữa, chú trọng phát triển hứng thú, động cơ sử dụng ngôn ngữ ở trẻ. Ngoài ra, việc phát triển kỹ năng tiền đọc, viết cần được thực hiện ngay từ độ tuổi nhà trẻ. GV cần cung cấp kinh nghiệm ngôn ngữ, tạo nhiều cơ hội cho trẻ tương tác, giao tiếp với môi trường, với bạn bè, với GV và người lớn xung quanh, nhờ đó mà các kỹ năng ngôn ngữ của trẻ được hình thành một cách tự nhiên, thoải mái.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Jalongo, M. R. (2000), *Early childhood language arts*(3rd ed.), Needham Heights, MA: Allyn and Bacon.
2. Jalongo, M. R. (2008), *Learning to listen, listening to learn*, Washington, DC: NAEYC.
3. Katz, N., Baker, E., & McNamara, J. (1974), What's in a name?: A study of how children learn common and proper names, *Child Development*, 65, 469-473.
4. Locke, J. L. (1993), *The children's path to spoken language*, Cambridge, MA: Harvard University Press.
5. Snow, C., Burns, M., & Griffin, P. (1998), *Preventing reading difficulties in young children*, Washington, DC: National Academy Press.
6. Vukelich, C., Christie, J., & Enz, B. (2008), *Helping young children learn language and literacy: birth through kindergarten*, Boston, MA: Pearson.
7. Lee Kyong Hoa (2010), *Language and literacy education for young children*, Knowledge Community.
8. Lee Ji Huyn (2013), *Language and literacy for education young children*, Knowledge Community.
9. Jun Buk Hye (2014), *Language and literacy for education young children*, Knowledge Community.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-7-2016; ngày phản biện đánh giá: 26-7-2016;  
ngày chấp nhận đăng: 16-10-2016)